

**CÔNG TY CỔ PHẦN
DINH DƯỠNG NUTRICARE**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 16/2020/CV/NU
V/v Bổ sung thông tin nhãn sản phẩm

Hà Nội, ngày 08 tháng 05 năm 2020

Kính gửi: Chi Cục ATVSTP – Sở Y tế Hà Nội

Tên công ty: Công ty CP Dinh dưỡng Nutricare

Mã số thuế: **0104937284**

Trụ sở: **Số 5, Ngõ 9/76, Phố Mai Dịch, Phường Mai Dịch, Quận Cầu Giấy, TP. Hà Nội.**

Công ty chúng tôi xin được trình bày một việc như sau:

Tháng 4/2020 chúng tôi có đăng ký công bố Sản phẩm dinh dưỡng công thức dành cho trẻ từ 0-12 tháng tuổi Coloscare 0+ , số TNDKSP: 1883/2020/ĐKSP.

Chúng tôi xin bổ sung thêm thông tin dinh dưỡng của sản phẩm trên 100 ml pha chuẩn lên nhãn sản phẩm, cụ thể như sau:

Thành phần/Components	Đơn vị/Unit	Trong 100 ml pha chuẩn/ Per 100ml
Năng lượng/Energy	kcal	68.5
Đạm/Protein	g	1.60
Đạm Whey/Whey protein	g	0.96
Đạm Casein/Casein protein	g	0.64
Tỉ lệ đạm Whey:Casein		60:40
Colostrum	mg	1062
IgG	mg	172
Lactoferrin	mg	3.86
Chất béo/Fat	g	3.27
LA	mg	283
ALA	mg	35.4
Tỉ lệ LA:ALA		8
Carbohydrate tổng/Total Carbohydrate	g	8.35
Chất xơ (FOS/Inulin)	g	0.28
HMO (Fucosyllactose 2'-FL)	mg	34.0
Beta-Glucan1,3/1,6	mg	3.26
Taurine	mg	2.45
Choline	mg	11.3
Lutein	mcg	6.95
Inositol	mg	8.53
L-Carnitine	mg	1.51
Lợi khuẩn/ Probiotics	CFU	9.01x10 ⁷
Vitamins		
Vitamin A	IU	234
Vitamin D3	IU	32.1
Vitamin E	IU	1.17
Vitamin K1	mcg	4.84

Vitamin C	mg	10.7
Vitamin B1	mcg	77.0
Vitamin B2	mcg	102
Niacin	mcg	463
Axit Pantothenic/ <i>Pantothenic acid</i>	mcg	360
Vitamin B6	mcg	74.3
Axit Folic/ <i>Folic acid</i>	mcg	7.52
Vitamin B12	mcg	0.24
Biotin	mcg	2.04
Khoáng/Minerals		
Natri/ <i>Sodium</i>	mg	16.1
Kali/ <i>Potassium</i>	mg	55.1
Clo/ <i>Chloride</i>	mg	42.0
Canxi/ <i>Calcium</i>	mg	42.0
Phốt pho/ <i>Phosphorus</i>	mg	30.6
Tỉ lệ Canxi:Phốt pho		1.38
Magie/ <i>Magnesium</i>	mg	7.25
Sắt/ <i>Iron</i>	mg	1.23
Kẽm/ <i>Zinc</i>	mg	0.97
Mangan/ <i>Manganese</i>	mcg	15.6
Đồng/ <i>Copper</i>	mcg	64.3
I ốt/ <i>Iodine</i>	mcg	8.90
Selen/ <i>Selenium</i>	mcg	1.36
Crôm/ <i>Chromium</i>	mcg	0.05

(Đính kèm nhãn sản phẩm sau khi đã bổ sung thông tin)

Chúng tôi gửi công văn này để xin bổ sung thông tin trên lên nhãn theo quy định của pháp luật.

Xin trân trọng cảm ơn!

TỔNG GIÁM ĐỐC



TỔNG GIÁM ĐỐC

Nguyễn Đức Minh



THÔNG TIN DINH DƯỠNG NUTRITIONAL INFORMATION				
Thành phần Component	Đơn vị Unit	Trung bình per 100g	Trung bình per 100g thực phẩm phẩm	Trung bình per 100g thực phẩm phẩm
Năng lượng/Energy	kcal	484	100	68.5
Đạm/Protein	g	113	2.33	1.60
Đạm Whey/Whey protein	g	6.80	1.40	0.96
Đạm Casein/Casein protein	g	4.50	0.93	0.64
Tổng đạm Whey Casein	g	60.40	60.40	60.40
Colostrum	mg	7600	15.40	10.62
IgG	mg	1212	2.50	1.72
Lactoferrin	mg	273	5.64	3.86
Chất béo/Fat	g	231	4.77	3.27
ALA	mg	1987	4.13	2.83
LA	mg	290	5.17	3.54
Tổng LA/ALA	g	8	9	6
Carbohydrate Tổng/Total Carbohydrate	g	59.0	12.2	8.35
Chất xơ (FOS/Inulin)	g	2.01	0.42	0.28
HMO (Fucosylactose 2'-FL)	mg	240	4.86	3.40
Beta-Glucan 1,3/1,6	mg	23.0	4.76	3.25
Taurine	mg	173	3.57	2.45
Choline	mg	78.9	1.65	1.13
Lutein	mcg	481	1.01	0.69
Inositol	mg	60.3	12.5	8.53
L-Carnitine	mg	10.7	2.21	1.51
Lợi khuẩn/Probiotic	CFU	6.37x10 ⁸	1.32x10 ⁹	8.87x10 ⁸
Vitamin				
Vitamin A	IU	1650	3.41	2.34
Vitamin D3	IU	227	46.9	32.3
Vitamin E	IU	8.24	1.70	1.17
Vitamin K1	mcg	34.2	7.07	4.84
Vitamin C	mg	75.7	15.6	10.7
Vitamin B1	mcg	544	11.2	7.70
Vitamin B2	mcg	722	14.9	10.2
Niacin	mcg	3088	6.35	4.33
Asit Panthothemic/Panthothemic acid	mcg	2682	5.25	3.60
Vitamin B6	mcg	526	10.8	7.43
Asit Folic/Folic acid	mcg	631	11.0	7.52
Vitamin B12	mcg	16.7	0.35	0.24
Biotin	mcg	14.4	2.98	2.04
Minerals				
Sodium	mg	114	2.36	1.61
Potassium	mg	399	8.04	5.51
Calcium	mg	297	6.14	4.20
Carot/Cobaltum	mg	267	5.44	3.73
Phosphorus/Phosphorus	mg	116	2.36	1.61
Tiêu Cholesterol/Cholesterol	mg	1.98	1.38	0.95
Magnesium/Magnesium	mg	312	6.46	4.42
Silicon	mg	6.86	1.39	0.95
Iron	mg	6.84	1.41	0.97
Manganese/Manganese	mcg	110	2.27	1.56
Copper	mcg	454	9.38	6.43
Iodine/Iodine	mcg	62.9	13.0	8.90
Selenium/Selenium	mcg	6.58	1.36	0.93
Chromium/Chromium	mcg	0.36	0.07	0.05

THÀNH PHẦN/INGREDIENTS

Bột sữa, Béo thực vật, Maltodextrin, Sữa non, Chất xơ hòa tan (FOS/Inulin), HMO (Fucosylactose (2'-FL)), Hỗn hợp khoáng và vitamin (Natri, Kali, Canxi, Photpho, Magie, Sắt, I-ốt, Kẽm, Đồng, Mangan, Selen, Crom, Vitamin A, Vitamin D3, Vitamin E, Vitamin K1, Vitamin C, Vitamin B1, Vitamin B2, Niacin, Asit Panthothemic, Vitamin B6, Asit Folic, Vitamin B12, Biotin), Beta-Glucan 1,3/1,6, Cholin, Taurin, Inositol, L-Carnitine, Lutein, Lợi khuẩn (Bifidobacterium 8812 & Lactobacillus acidophilus La5), (Milk powder, Vegetable fat, Maltodextrin, Colostrum, Prebiotic (FOS/Inulin), HMO (Fucosylactose (2'-FL)), Premix vitamins & minerals (Sodium, Potassium, Calcium, Phosphorus, Magnesium, Iron, Iodine, Zinc, Copper, Manganese, Selenium, Chromium, Vitamin A, Vitamin D3, Vitamin E, Vitamin K1, Vitamin C, Vitamin B1, Vitamin B2, Niacin, Panthothemic acid, Vitamin B6, Folic acid, Vitamin B12, Biotin), Beta-Glucan 1,3/1,6, Choline, Taurine, Inositol, L-Carnitine, Lutein, Probiotics (Bifidobacterium 8812 & Lactobacillus acidophilus La5).

HƯỚNG DẪN CÁCH PHA/HOW TO PREPARE

- Rửa tay với xà phòng và nước trước khi pha. Wash your hands with soap and water.
- Đun các dụng cụ, cốc và nắp trong nước sôi trong 2 phút. All utensils must be cleaned and boiled for 2 minutes.
- Đun sôi nước để pha trong 5 phút và để nước nguội (45°C-50°C) trước khi pha. Boil the water for 5 minutes, then let it cool of to lukewarm (approximately 45-50°C).
- Cho đúng lượng nước vào cốc/bình rồi cho từ từ lượng ColosCare 0+ vào theo hướng dẫn. Pour recommended amount of water into the utensils, then add recommended level scoops of ColosCare 0+.
- Khuấy đều cho đến khi tan hết. Thử độ nóng và cho bé dùng. Hồn hợp sau khi pha sử dụng hết trong vòng 1 giờ. Stir well until the powder is completely dissolved. Finish using ColosCare 0+ reconstituted feeding 1 hour after preparation.

HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG/RECOMMENDED FEEDING

Tuổi của bé	Chuẩn bị cho 1 lần ăn	Số muỗng	Số lần ăn trong ngày	1 muỗng tương đương với 9.2 g ColosCare 0+.
0-2 tuần	60	1	6-8	1 scoop is approximately 9.2g ColosCare 0+.
2 tuần - 2 tháng	120	2	6-8	
2 tháng - 9 tháng	180	3	6-8	
9 tháng - 12 tháng	240	4	6-8	

BẢO QUẢN/STORAGE

Đậy kín sau mỗi lần sử dụng. Bảo quản nơi khô ráo, sạch sẽ, thoáng mát, tránh ánh nắng trực tiếp. Lon khi đã mở phải được sử dụng hết trong vòng 3 tuần. Close the tin tightly after each use. Store in a cool and dry place and avoid direct sunlight. Use within 3 weeks after first opened.

Chỉ sử dụng sản phẩm này theo chỉ dẫn của bác sĩ. Pha chế theo đúng hướng dẫn. Cho trẻ ăn bằng cốc, thìa hợp vệ sinh.



ColosCare

SỮA NON TĂNG CƯỜNG MIỄN DỊCH





0+

Sản phẩm dinh dưỡng công thức dành cho trẻ từ 0-12 tháng tuổi

400 g | Main Ingredients from USA, Newzealand

ColosCare cung cấp đầy đủ dinh dưỡng theo QCVN 11-1: 2012/BYT.

"Môi trường sống không an toàn luôn tiềm ẩn các tác nhân gây bệnh cho trẻ đặc biệt là trẻ sơ sinh và trẻ nhỏ - những đối tượng hệ miễn dịch còn non yếu. Bên cạnh đó, đường hô hấp và đường tiêu hóa là những con đường chính mà vi khuẩn và vi-rút xâm nhập vào cơ thể trẻ. Vì vậy, nâng cao sức đề kháng chung, tăng cường miễn dịch đường hô hấp và đường tiêu hóa là yếu tố quan trọng giúp trẻ khỏe mạnh. Các đường chất đặc biệt có trong ColosCare như Sữa non, Beta-Glucan, HMO, Chất xơ, Lợi khuẩn... đã được chứng minh giúp tăng cường hệ miễn dịch của trẻ một cách tự nhiên, an toàn và hiệu quả."

Sữa non (Colostrum) chứa các chất có hoạt tính sinh học với hàm lượng kháng thể IgG 1200+ cao vượt trội* giúp tăng cường sức đề kháng tự nhiên cho trẻ.

SỮA NON

Beta-Glucan giúp hệ thống miễn dịch hoạt động hiệu quả hơn, giúp cải thiện sức khỏe đường hô hấp.

Beta-Glucan

HMO & Lactoferrin giúp giảm tình trạng nhiễm khuẩn bằng cách hạn chế sự xâm nhập của vi khuẩn và vi-rút gây bệnh.

Lactoferrin

Bioactive chất kết hợp lợi khuẩn giúp hỗ trợ sức khỏe đường ruột của bé tiêu hóa cũng các đường chất quan trọng như protein giúp tăng cân, cardio giúp tăng chiều cao, vitamin khoáng giúp cơ thể phát triển khỏe mạnh.

2'-FL HMO Prebiotic + Probiotics

CÔNG DỤNG/FEATURES

ColosCare 0+ là sản phẩm cung cấp đầy đủ dinh dưỡng, phù hợp sinh lý lứa tuổi. ColosCare 0+ is a product that provides complete nutrition suitable for ages.

*So với sản phẩm Metacare 1

ĐỐI TƯỢNG SỬ DỤNG/USED FOR

Dành cho trẻ từ 0 - 12 tháng tuổi. For children from 0-12 months of age.

CHÚ Ý: Sữa mẹ là thức ăn tốt nhất cho sức khỏe và sự phát triển toàn diện của trẻ nhỏ. Các yếu tố chống nhiễm khuẩn, đặc biệt là kháng thể chỉ có trong sữa mẹ có tác dụng giúp trẻ phòng, chống bệnh tiêu chảy, nhiễm khuẩn đường hô hấp và một số bệnh nhiễm khuẩn khác.

Sản xuất & chịu trách nhiệm sản phẩm bởi:
CÔNG TY CỔ PHẦN DINH DƯỠNG NUTRICARE
VPĐD: Tòa nhà Nutricare, Số 1, LK2, KĐT Vạn Phúc, Hà Đông, Hà Nội.
Sân xuất tại: Nhà máy CN CÔNG TY CỔ PHẦN DINH DƯỠNG NUTRICARE
Địa chỉ: Lô VII.2, KCN Thuận Thành 3, Thanh Khương, Thuận Thành, Bắc Ninh.
Điện thoại: 024.66.833.368
Đạt chứng nhận Hệ thống quản lý An toàn thực phẩm ISO 22000:2018,
Hệ thống thực hành sản xuất tốt (GMP), HACCP,
Hệ thống Quản lý môi trường ISO 14001:2015.
Số CBSP: 13/2020/CBSP- NUTRI
Số TNDKSP: 1883/2020/DKSP
NSX và HSD: Xem trên bao bì.





CHĂM SÓC KHÁCH HÀNG
MIỄN BẮC: 1800.6011 (Miễn phí cuộc gọi dài)
MIỄN NAM: 028.73.008.888
www.nutricare.com.vn

THÔNG TIN DINH DƯỠNG NUTRITIONAL INFORMATION				
Thành phần Component	Đơn vị Unit	Trong túi 800g Net Wt	Trong túi 150g Net Wt	Trong túi 30g Net Wt
Năng lượng/Energy	kcal	484	100	68.5
Dạm/Protein	g	11.3	2.33	1.60
Dạm Whey/Whey protein	g	6.80	1.40	0.86
Dạm Casein/Casein protein	g	4.50	0.93	0.64
Tiêu Bận Whey Casein	g	60.40	60.40	60.40
Colostrum	mg	7500	1540	1062
IgG	mg	1212	250	172
Lactoferrin	mg	273	54	3.88
Chất béo/Fat	g	23.1	4.77	3.27
LA	mg	1987	413	283
ALA	mg	350	607	35.4
Tiêu LA/LA	g	9	9	9
Carbohydrate tổng/Total Carbohydrate	g	59.0	12.2	8.35
Chất xơ (FOS/Inulin)	g	2.01	0.42	0.28
HMO (Fucosyllactose 2'-FL)	mg	240	48.9	34.0
Beta-Glucan 1,3/1,6	mg	23.0	4.75	3.26
Taurine	mg	173	3.57	2.45
Choline	mg	76.9	15.5	11.3
Lutein	mcg	451	91	63.65
Inositol	mg	60.3	12.5	8.53
L-Carnitine	mg	107	2.21	1.51
Lợi khuẩn/Probiotic	CFU	6.37x10 ⁸	1.32x10 ⁸	8.01x10 ⁷
Vitamins				
Vitamin A	IU	1650	341	234
Vitamin D3	IU	227	45.9	32.1
Vitamin E	IU	8.24	1.70	1.07
Vitamin K1	mcg	34.2	7.07	4.84
Vitamin C	mg	76.7	15.4	10.7
Vitamin B1	mcg	544	112	77.0
Vitamin B2	mcg	722	149	102
Niacin	mcg	3268	675	463
Anti Pantothenic/Pantothenic acid	mcg	2642	525	360
Vitamin B6	mcg	525	108	74.3
Anti Folic/Folic acid	mcg	53.1	11.0	7.52
Vitamin B12	mcg	167	3.35	2.34
Biotin	mcg	14.4	2.88	2.04
Minerals/Minerals				
Sodium	mg	114	23.6	16.1
Kali/Potassium	mg	388	80.4	55.1
Calcium	mg	207	41.4	28.0
Carsi/Carsi	mg	207	41.4	28.0
Phosphorus/Phosphorus	mg	216	44.3	30.6
Tiêu Carsi/Phosphorus	mg	138	28.1	19.3
Magnesium	mg	612	126	87.25
Sắt/iron	mg	6.66	1.37	0.95
Kẽm/Zinc	mg	6.84	1.41	0.97
Mangan/Manganese	mcg	110	22.7	15.6
Copper	mcg	454	93.8	64.3
Cobalt	mcg	62.9	12.9	8.95
Selen/Selenium	mcg	9.58	1.96	1.36
Crom/Chromium	mcg	0.36	0.07	0.05

THÀNH PHẦN/ INGREDIENTS

Bột sữa, Béo thực vật, Maltodextrin, Sữa non, Chất xơ hòa tan (FOS/Inulin), HMO (Fucosyllactose (2'-FL)), Hỗn hợp khoáng và vitamin (Natri, Kali, Canxi, Phốt pho, Magie, Sắt, Kẽm, Đồng, Mangan, Selen, Crom, Vitamin A, Vitamin D3, Vitamin E, Vitamin K1, Vitamin C, Vitamin B1, Vitamin B2, Niacin, Acid Pantothenic, Vitamin B6, Acid Folic, Vitamin B12, Biotin), Beta-Glucan 1,3/1,6, Choline, Taurine, Inositol, L-Carnitine, Lutein, Lợi khuẩn (*Bifidobacterium BB12* & *Lactobacillus acidophilus* La5), (Milk powder, Vegetable fat, Maltodextrin, Colostrum, Prebiotic (FOS/Inulin), HMO (Fucosyllactose (2'-FL)), Premix vitamins & minerals (Sodium, Potassium, Calcium, Phosphorus, Magnesium, Iron, Iodine, Zinc, Copper, Manganese, Selenium, Chromium, Vitamin A, Vitamin D3, Vitamin E, Vitamin K1, Vitamin C, Vitamin B1, Vitamin B2, Niacin, Pantothenic acid, Vitamin B6, Folic acid, Vitamin B12, Biotin), Beta-Glucan 1,3/1,6, Choline, Taurine, Inositol, L-Carnitine, Lutein, Probiotics (*Bifidobacterium BB12* & *Lactobacillus acidophilus* La5).

HƯỚNG DẪN CÁCH PHA/ HOW TO PREPARE

- Rửa tay với xà phòng và nước trước khi pha. Wash your hands with soap and water.
- Đun các dụng cụ, cốc và nắp trong nước sôi trong 2 phút. All utensils must be cleaned and boiled for 2 minutes.
- Đun sôi nước để pha trong 5 phút và để nước nguội (45°C-50°C) trước khi pha. Boil the water for 5 minutes, then let it cool off to lukewarm (approximately 45-50°C).
- Cho đúng lượng nước vào cốc/bình rồi cho từ từ lượng ColosCare 0+ vào theo hướng dẫn. Pour recommended amount of water into the utensils, then add recommended level scoops of ColosCare 0+.
- Khuấy đều cho đến khi tan hết. Thử độ nóng và cho bé dùng. Hồn hợp sau khi pha sử dụng hết trong vòng 1 giờ. Stir well until the powder is completely dissolved. Finish using ColosCare 0+ reconstituted feeding 1 hour after preparation.

HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG/ RECOMMENDED FEEDING

Tuổi của bé	Chuẩn bị cho 1 lần ăn	Số muỗng	Số lần ăn trong ngày
0-2 tuần	60	1	6-8
2 tuần - 2 tháng	120	2	5-7
2 tháng - 9 tháng	180	3	3-4
9 tháng - 12 tháng	240	4	3-4

BẢO QUẢN/ STORAGE

Đậy kín sau mỗi lần sử dụng. Bảo quản nơi khô ráo, sạch sẽ, thoáng mát, tránh ánh nắng trực tiếp. Lưu ý: đã mở phải được sử dụng hết trong vòng 3 tuần. Use within 3 weeks after first opened.

Chỉ sử dụng sản phẩm này theo chỉ dẫn của bác sĩ. Pha chế theo đúng hướng dẫn. Cho trẻ ăn bằng cốc, thìa hoặc vại sinh.



ColosCare

SỮA NON TĂNG CƯỜNG MIỄN DỊCH

Beta-Glucan
IgG 1200⁺
HMO 2'-FL
Lactoferrin

0+

Sản phẩm dinh dưỡng công thức dành cho trẻ từ 0-12 tháng tuổi

Khối lượng tịnh 800 g | Main Ingredients from USA, Newzealand



ColosCare cung cấp đầy đủ dinh dưỡng theo QCVN 11-1: 2012/BYT.

"Môi trường sống không an toàn luôn tiềm ẩn các tác nhân gây bệnh cho trẻ đặc biệt là trẻ sơ sinh và trẻ nhỏ - những đối tượng hệ miễn dịch còn non yếu. Bên cạnh đó, đường hô hấp và đường tiêu hóa là những con đường chính mà vi khuẩn và vi-rút xâm nhập vào cơ thể trẻ. Vì vậy, nâng cao sức đề kháng chung, tăng cường miễn dịch đường hô hấp và đường tiêu hóa là yếu tố quan trọng giúp trẻ khỏe mạnh. Các đường chất đặc biệt có trong ColosCare như Sữa non, Beta-Glucan, HMO, Chất xơ, Lợi khuẩn... đã được chứng minh giúp tăng cường hệ miễn dịch của trẻ một cách tự nhiên, an toàn và hiệu quả."

Sữa non (Colostrum) chứa các chất có hoạt tính sinh học với hàm lượng kháng thể IgG 1200+ cao vượt trội giúp tăng cường sức đề kháng tự nhiên cho trẻ.

Beta-Glucan giúp hệ thống miễn dịch hoạt động hiệu quả hơn, giúp cải thiện sức khỏe đường hô hấp.

HMO & Lactoferrin giúp giảm tình trạng nhiễm khuẩn bằng cách hạn chế sự xâm nhập của vi khuẩn và vi-rút gây bệnh.

Beta-Glucan kết hợp lợi khuẩn giúp hỗ trợ sức khỏe đường ruột của hệ tiêu hóa, cùng các đường chất quan trọng như protein giúp tăng cường khả năng tiêu hóa, vitamin khoáng giúp trẻ phát triển khỏe mạnh.

CÔNG DỤNG/ FEATURES

ColosCare 0+ là sản phẩm cung cấp đầy đủ dinh dưỡng, phù hợp sinh lý lứa tuổi. ColosCare 0+ is a product that provides complete nutrition suitable for ages.

*So với sản phẩm Metacare 1

ĐỐI TƯỢNG SỬ DỤNG/ USED FOR

Dành cho trẻ từ 0 - 12 tháng tuổi. For children from 0-12 months of age.

CHÚ Ý: Sữa mẹ là thức ăn tốt nhất cho sức khỏe và sự phát triển toàn diện của trẻ nhỏ. Các yếu tố chống nhiễm khuẩn, đặc biệt là kháng thể chỉ có trong sữa mẹ có tác dụng giúp trẻ phòng, chống bệnh tiêu chảy, nhiễm khuẩn đường hô hấp và một số bệnh nhiễm khuẩn khác.

Sản xuất & chịu trách nhiệm sản phẩm bởi:
CÔNG TY CỔ PHẦN DINH DƯỠNG NUTRICARE
VP&D: Tòa nhà Nutricare, Số 1, LK2, KĐT Vạn Phúc, Hà Đông, Hà Nội.
Sân xuất tại: Nhà máy CN CÔNG TY CỔ PHẦN DINH DƯỠNG NUTRICARE
Địa chỉ: Lô VII.2, KCN Thuận Thành 3, Thanh Khương, Thuận Thành, Bắc Ninh.
Điện thoại: 024.66.833.368
Đạt chứng nhận Hệ thống quản lý An toàn thực phẩm ISO 22000:2018.
Hệ thống thực hành sản xuất tốt (GMP), HACCP, Hệ thống Quản lý môi trường ISO 14001:2015.
Số CBSP: 13/2020/CBSP- NUTRI
Số TNDKSP: 1883/2020/BKSP
NSX và HSD: Xem trên bao bì.



CHĂM SÓC KHÁCH HÀNG
MIỄN BẮC: 1800.6011 (miễn phí cuộc gọi định)
MIỄN NAM: 028.73.009.888
www.nutricare.com.vn